

CÔNG TY CỔ PHẦN CENCON VIỆT NAM

Địa chỉ: Lô 45-50B đường Thủy Hoa, phường Duyệt Hải, TP Lào Cai, tỉnh Lào Cai

Số: 1601/2023/CEN/CVGT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Lào Cai ngày 16 tháng 01 năm 2023

- Ủy ban chứng khoán Nhà nước
- Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội

Tên tổ chức : Công ty cổ phần Cencon Việt Nam
 Mã chứng khoán : CEN
 Trụ sở chính : Lô 45-50B đường Thủy Hoa, phường Duyệt Hải, TP Lào Cai, tỉnh Lào Cai
 Điện thoại : 0246 285 0292

0126805
 CÔNG TY CỔ PHẦN CENCON VIỆT NAM
 CẤP CỨU VÀO MỤC 4 ĐIỀU 11 CHƯƠNG III CỦA THÔNG TƯ SỐ 155/2015/TT-BTC NGÀY 06/10/2015 CỦA BỘ TÀI CHÍNH VỀ VIỆC HƯỚNG DẪN VỀ VIỆC CÔNG BỐ THÔNG TIN TRÊN THỊ TRƯỜNG CHỨNG KHOÁN;
 CÔNG TY TRƯỞNG CHỨNG KHOÁN;
 CỐ PHẦN CẤP CỨU VÀO BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ 4 NĂM 2023 CỦA CÔNG TY CỔ PHẦN CENCON VIỆT NAM
 CÔNG TY CỔ PHẦN CENCON VIỆT NAM XIN GIẢI TRÌNH VỀ VIỆC LỢI NHUẬN SAU THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP QUÝ 4 NĂM 2023 CÓ SỰ CHÊNH LỆCH SO VỚI LỢI NHUẬN SAU THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP QUÝ 4 NĂM 2022 DO CÁC NGUYÊN NHÂN SAU:

STT	Chỉ tiêu	Năm		So sánh		Nguyên nhân
		Q4/2023	Q4/2022	Chênh lệch	% Chênh lệch	
1	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	29,312,796,391	82,047,322,254	(52,734,525,863)	36%	Giảm do biến động giá của thị trường vàng bạc dẫn đến tiêu thu chậm dịp cuối năm.
2	Các khoản giảm trừ doanh thu			-		
3	Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	29,312,796,391	82,047,322,254	(52,734,525,863)	36%	Giảm do biến động giá của thị trường vàng bạc dẫn đến tiêu thu chậm dịp cuối năm.
4	Giá vốn hàng bán	27,551,930,606	81,860,171,500	(54,308,240,894)	34%	Giảm do giảm lượng hàng hóa bán ra.
5	Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	1,760,865,785	187,150,754	1,573,715,031	941%	Tăng do giá đầu vào giảm bên cạnh đó còn do giá cả thị trường vàng biến động mạnh.
6	Doanh thu hoạt động tài chính	299,652	15,917,583	(15,617,931)	2%	Giảm do không phát sinh lãi vay

STT	Chi tiêu	Năm		So sánh		Nguyên nhân
		Q4/2023	Q4/2022	Chênh lệch	% Chênh lệch	
7	Chi phí tài chính	-	-	-	-	- Không phát sinh
8	Chi phí bán hàng	1,023,192,576	569,793,000	453,399,576	180%	Tăng do doanh nghiệp mở rộng thị trường sau dịch và cá dịch vụ mua ngoài khác
9	Chi phí quản lý doanh nghiệp	832,718,326	1,193,157,547	(360,439,221)	70%	Giảm giá trị ưu hóa được chi phí
10	Lợi nhuận thuần về hoạt động kinh doanh	(94,745,465)	(1,559,882,210)	1,465,136,745	6%	Tăng do các nguyên nhân nêu trên
11	Thu nhập khác	68	3,197	(3,129)	2%	
12	Chi phí khác	1,391,419	(14,830,990)	16,222,409	-9%	
13	Lợi nhuận khác	(1,391,351)	14,834,187	(16,225,538)	-9%	Giảm do phát sinh ít
14	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	(96,136,816)	(1,545,048,023)	1,448,911,207	6%	Tăng do các nguyên nhân nêu trên
15	Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	(14,687,279)	(220,543,710)	205,856,431	7%	Tăng do lợi nhuận kế toán trước thuế giảm
16	Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	(81,449,537)	(1,324,504,313)	1,243,054,776	6%	Tăng do các nguyên nhân nêu trên

Trên đây là các nguyên nhân chủ yếu dẫn đến việc biến động về Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp tại Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh Quý 4 năm 2023 so với cùng kỳ năm 2022. Công ty chúng tôi xin giải trình với Quý Ủy ban chứng khoán Nhà nước và Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội. Trân trọng kính chào!

Nơi nhận:

- Như trên

- Lưu KT - TH



Trần Mạnh Sơn